

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22-12-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Hồng Điều

2. Bà Nguyễn Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 509/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lương Hoàng L, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp 4, xã L, huyện B, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Thành N, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp 4, xã L, huyện B, tỉnh L.

(Chị L có mặt, anh N xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/11/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Lương Hoàng L trình bày tóm tắt như sau: Chị và anh Võ Thành N cưới nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/12/2004. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, do anh N không lo làm việc, mà chỉ ăn chơi, cờ bạc, rượu chè. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh N vẫn không chịu thay đổi, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị L xác định chị và anh N có 02 con chung tên là Võ Hoàng Bảo Kh, sinh ngày 29/12/2005 và Võ Hoàng Quốc Th, sinh ngày 27/5/2012, hiện hai cháu đang sống chung với vợ chồng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Để các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định chị và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 08/12/2020, bị đơn Võ Thành N trình bày tóm tắt như sau: Anh không đồng ý ly hôn với chị L, đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên đoàn tụ. Bởi vì, vợ chồng chưa có mâu thuẫn gì nghiêm trọng, mà do anh có thiếu nợ một số người bên ngoài, những người này có đến nhà anh đòi nợ và đe dọa người thân trong gia đình anh, nên chị L mới nộp đơn ly hôn.

Cháu Võ Hoàng Bảo Kh và cháu Võ Hoàng Quốc Th có bản khai thể hiện nguyện vọng được sống chung với chị L trong trường hợp chị L và anh N ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Chị L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn Võ Thành N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227, điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh N: Chị L và anh N cưới nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/12/2004, nên quan hệ hôn nhân của chị L và anh N là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị L thấy rằng: Chị L và anh N đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng tồn tại nhiều mâu thuẫn, anh N không lo làm việc, lại còn tham gia cờ bạc, dẫn đến phá tán tài sản gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Từ khi chị L nộp đơn xin ly hôn cho đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, anh N không đưa ra được biện pháp nào cụ thể để thuyết phục chị L đoàn tụ, trong khi chị L vẫn thể hiện ý chí cương quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh N.

[2.3] Về quyền nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu Kh và cháu Th đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản khai ngày 08/12/2020, cháu Th và cháu Kh có nguyện vọng được sống với chị L trong trường hợp chị L và anh N ly hôn. Đối chiếu quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định chị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Hoàng Bảo Kh và cháu Võ Hoàng Quốc Th.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Trường hợp sau này đương sự có tranh chấp về chia tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Lương Hoàng L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Bị đơn Võ Thành N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lương Hoàng L được ly hôn với anh Võ Thành N.
2. Về quyền nuôi con chung: Chị Lương Hoàng L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Hoàng Bảo Kh, sinh ngày 29/12/2005 và Võ Hoàng Quốc Th, sinh ngày 27/5/2012.
3. Anh N có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp anh N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh N theo quy định của pháp luật. Chị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của anh N.
4. Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì chị L, anh N, người thân thích của cháu Kh, cháu Th, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.
5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lương Hoàng L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn. Chuyển 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 0002565 ngày 27/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức sang thi hành án phí, nên chị L không phải nộp tiếp. Anh Võ Thành N không phải chịu án phí.
6. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THA huyện Bến Lức;
- Đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Hồng Điều – Nguyễn Anh Thư

Trần Văn Khánh